

Số: /BC-SYT

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 01 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ngày 16/01/2022**

#### **I. TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH TẠI TỈNH BẮC KẠN**

##### **1. Tình hình dịch bệnh**

- Trong ngày ghi nhận 08 trường hợp F0 mới, cụ thể:

+ Huyện Na Rì: 02 trường hợp;

+ Huyện Pác Nặm: 01 trường hợp;

+ Thành phố Bắc Kạn: 05 trường hợp.

- Trong đó:

+ Số ca mắc mới chưa rõ nguồn lây: 01 ca ở huyện Pác Nặm.

+ Số ca mắc mới đã được cách ly trước đó: 07.

Cộng dồn đến 14h ngày 16/01/2022 trên toàn tỉnh phát hiện 651 ca bệnh F0, 249/651 ca đã điều trị khỏi<sup>1</sup>; 03 ca chuyển tuyến Trung ương; 399 ca đang được theo dõi, cách ly tại các huyện (Ba Bể 08, Bạch Thông 06, Chợ Đồn 07, Chợ Mới 18, Na Rì 91, Ngân Sơn 04, Pác Nặm 80, TP Bắc Kạn 93, Bệnh viện đa khoa tỉnh 92). (Có danh sách ca bệnh dương tính trong ngày kèm theo)

##### **2. Hoạt động rà soát công dân từ ngoại tỉnh trở về**

Các công dân trở về từ ngoại tỉnh, vùng có dịch đến khai báo y tế theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 9001/UBND-VXNV ngày 31/12/2021. Đến 17 giờ ngày 16/01/2021, có 282 công dân trở về địa phương từ các tỉnh, thành phố có dịch.

##### **3. Hoạt động khai báo y tế và công tác xét nghiệm**

Tổng số người khai báo y tế trong ngày: 784 người (Ba Bể 131; Bạch Thông 42; Chợ Đồn 111; Chợ Mới 189; Na Rì 98; Ngân Sơn 79; Pác Nặm 49; TP Bắc Kạn 85).

##### **4. Tình hình xét nghiệm (Từ 14h00 ngày 15/01/2022 đến 14h00 ngày 16/01/2022)**

- RT-PCR: Xét nghiệm 197 mẫu bao gồm cả 82 mẫu nhận ngày 15/01/2022, kết quả 122 mẫu âm tính, 75 mẫu dương tính (bao gồm các trường hợp dương tính mới và theo dõi điều trị). Cộng dồn đợt 4: 75.006 mẫu âm tính, 1.384 mẫu dương tính.

---

<sup>1</sup> Trong ngày có 36 ca điều trị khỏi bệnh ra viện.

- Test nhanh kháng nguyên ngày 16/01/2022 là 382 mẫu trong đó: 381 mẫu tính, 01 dương tính (Na Rì).

### **5. Hoạt động tiêm Vắc xin phòng COVID-19**

Tổng số vắc xin được phân bổ 571.670 liều, đã tiếp nhận 442.920 liều.

Trong ngày, 04/8 đơn vị thực hiện tiêm vắc xin phòng Covid-19 (thành phố, Bệnh viện đa khoa tỉnh, Chợ Đồn, Ba Bể). Kết quả tiêm:

+ Đối tượng trên 18 tuổi: tiêm mũi 1 là: 182 liều; mũi 2 là: 270, mũi nhắc lại là: 1.250 liều. Tỷ lệ tiêm mũi 1 bao gồm cả tiêm tại địa phương khác: 95,41%. Tỷ lệ tiêm mũi 2: 87,44%. Tỷ lệ tiêm mũi nhắc lại: 4,46%.

+ Đối tượng 12-17 tuổi: tiêm mũi 2 là: 963 liều. Tỷ lệ tiêm mũi 1: 96,89%, tỷ lệ tiêm mũi 2: 38,05%.

Tổng số liều vắc xin đã tiêm là: 442.895/442.920 liều vắc xin đã tiếp nhận, đạt tỷ lệ 99,9%.

### **6. Về đánh giá cấp độ dịch**

Đánh giá cấp độ dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2022 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”: Xác định tỉnh Bắc Kạn hiện đang ở cấp 1: *Nguy cơ thấp (bình thường mới) tương ứng với màu xanh (Truy cập đường link <http://soyte.backan.gov.vn/>);* đánh giá cấp độ huyện, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn (có phụ lục 3 và phụ lục 4 kèm theo).

### **7. Công tác điều trị**

- Số F0 đang điều trị: 399

- Số ra viện trong ngày: 36

- Số hiện tại trong khu điều trị: 379 (còn 20 trường hợp theo dõi tại nhà).

Trong đó:

+ Số không có triệu chứng: 239

+ Số có triệu chứng nhẹ, vừa: 160

+ Số F0 nặng (phải thở Oxy): 04 (Bệnh viện đa khoa tỉnh).

+ Tổng số ca đã chuyển tuyến Trung ương: 03 ca.

## **II. NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO**

1. Tiếp tục triển khai các văn bản của Bộ Y tế, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác phòng, chống dịch và tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 kịp thời, đúng quy định. Đặc biệt, Công văn số 549-CV/TU ngày 31/12/2021 của Tỉnh ủy, Công văn số 8734/UBND-VXNV ngày 23/12/2021; Công văn số 9001/UBND-VXNV ngày 31/12/2021 và Công văn số 02/UBND-VXNV ngày 03/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thông báo số 04-TB/BCĐ ngày 02/01/2022 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh Bắc Kạn và các văn bản khác có liên quan. Chỉ đạo các

đơn vị thần tốc tiêm vắc xin phòng COVID-19 mũi bổ sung, nhắc lại, rà soát lập danh sách đối tượng từ 05 tuổi - 11 tuổi tiêm vắc xin phòng COVID-19.

2. Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện thường trực phòng, chống dịch 24/24 giờ nhằm duy trì thành quả các công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn. Đánh giá cấp độ dịch hàng ngày theo Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ.

3. Chỉ đạo các đơn vị tập trung nhân lực để hoàn thành việc tiêm vắc xin phòng COVID-19 liều cơ bản, thần tốc tổ chức tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo hướng dẫn của Bộ Y tế; Thực hiện công tác cách ly điều trị F0 đúng Hướng dẫn của Bộ Y tế, bóc tách F0 ra khỏi cộng đồng, xử lý triệt để các ổ dịch trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo hoạt động phòng, chống dịch ngày 16/01/2022 của Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Bộ Y tế;
- Cục Quản lý Khám, chữa bệnh;
- Cục Y tế Dự phòng;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT&các PCT UBND tỉnh(b/c);
- Các TV BCĐ PC dịch COVID-19 tỉnh Bắc Kạn;
- BGĐ Sở Y tế& các phòng chức năng SYT;
- Ban BVCSSK CB tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện/TP;
- Báo Bắc Kạn;
- Trang thông tin điện tử Sở Y tế Bắc Kạn;
- Ban Dân tộc;
- Các đơn vị trực thuộc ngành y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đinh Mạnh Cường**

**PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CA BỆNH DƯƠNG TÍNH NGÀY 16/01/2022**

TT	Họ và tên	Tuổi		Địa chỉ nơi ở (Ghi thôn, xã, huyện, tỉnh)	Nơi cách ly/ điều trị	Giá trị CT (cycle threshold)
		Nam	Nữ			
1	Hoàng Thị Phương		33	Rầy Ỏi - Dương Sơn, Na Rì, Bắc Kạn	TTYT Na Rì	24,8
2	Nguyễn Văn Mai	33		Hát Deng, TT yên Lạc, Na Rì, Bắc Kạn	TTYT Na Rì	12,2
3	Cao Thị Ngọc Hiền		11	Nà Pèn, Huyện Tụng, thành phố Bắc Kạn	TTYT Thành phố	28,2
4	Nguyễn Thị Bần		58	Nà Pèn, Huyện Tụng, thành phố Bắc Kạn	TTYT Thành phố	35,3
5	Hoàng Quốc Toàn	5		Nà Pèn, Huyện Tụng, thành phố Bắc Kạn	TTYT Thành phố	31,5
6	Nông Văn Cương	43		Nà Pèn, Huyện Tụng, thành phố Bắc Kạn	TTYT Thành phố	24,3
7	Nông Duy Thái	11		Nà Pèn, Huyện Tụng, thành phố Bắc Kạn	TTYT Thành phố	25,1
8	Phùng Văn Quan	37		Phiêng Tặc, Nhạn Môn, Pác Nặm	TTYT Pác Nặm	34,99
<b>Tổng: 08 ca</b>						

**PHỤ LỤC 02**  
**BÁO CÁO NHANH HÀNG NGÀY TÌNH HÌNH**  
**THU DUNG VÀ ĐIỀU TRỊ NGƯỜI BỆNH COVID-19**

*(Số liệu tính đến 18h ngày 16/01/2022)*

**I. SỐ LIỆU TỔNG HỢP**

<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>
<b>SỐ CƠ SỞ ĐANG THU DUNG ĐIỀU TRỊ F0</b>	0
<b>BỆNH NHÂN COVID-19 (F0)*</b>	/
1. Số BN mắc bệnh	651
2. Số BN khỏi bệnh	249
3.1 Số BN tử vong	0
3.2. Số BN chuyển tuyến	03
<b>4. Số chưa khỏi bệnh*</b>	399
<b>4.1. Số F0 đang điều trị tại bệnh viện (Tầng 1, BV dã chiến trở lên)</b>	0
4.1.1 Biểu hiện triệu chứng lâm sàng nhẹ và không có triệu chứng	239
4.1.2 Biểu hiện lâm sàng mức độ trung bình	160
<u>Tổng số BN nặng, nguy kịch</u>	0
4.1.3. Nặng: khó thở, oxy mask, gọng kính	04
4.1.4. Nặng: oxy dòng cao HFNC	0
4.1.5. Nặng: thở máy không xâm lấn	0
4.1.6. Nguy kịch: thở máy xâm lấn	0
4.1.7. Nguy kịch: ECMO	0
<b>4.2. Số F0 đang cách ly tại nhà</b>	20
<b>4.3 Số F0 đang cách ly tại khu cách ly tập trung (không phải BVDC)</b>	379

## PHỤ LỤC 03

**Cấp độ dịch của tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết số 128/NQCP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế (tính đến 18h ngày 16/01/2022)**

STT	Đơn vị hành chính	Phân loại cấp độ dịch theo Nghị quyết số 128/NQ-CP			
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4
1	Cấp xã: 108	82	12	07	07
2	Cấp huyện: 08	05	01	01	01
3	Cấp tỉnh: 01	01			

**PHỤ LỤC 04**  
**BẢNG PHÂN CẤP ĐỘ DỊCH TẠI TỈNH BẮC KẠN NGÀY 16/01/2022**

TT	Tỉnh	Huyện, thành phố trực thuộc	Cấp độ dịch theo Nghị quyết số 128/NQ-CP			
			Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4
<b>I</b>	<b>Đánh giá cấp tỉnh</b>		x			
<b>II</b>	<b>Đánh giá cấp huyện</b>					
1	Cấp huyện	Thành phố Bắc Kạn			x	
2		Pác Nặm	x			
3		Ba Bể	x			
4		Ngân Sơn	x			
5		Bạch Thông	x			
6		Chợ Đồn	x			
7		Chợ Mới		x		
8		Na Rì				x
		Tổng:	<b>05</b>	<b>01</b>	<b>01</b>	<b>01</b>
<b>III</b>	<b>Đánh giá cấp xã, phường, thị trấn</b>					
1	Thành phố Bắc Kạn: 08	Phường Nguyễn Thị Minh Khai		x		
2		Phường Sông Cầu		x		
3		Phường Đức Xuân			x	
4		Phường Phùng Chí Kiên			x	
5		Phường Huyền Tung			x	
6		Xã Dương Quang	x			
7		Xã Nông Thượng			x	
8		Phường Xuất Hóa	x			
		Tổng:	<b>02</b>	<b>02</b>	<b>04</b>	<b>00</b>
9	Huyện Pác Nặm: 10	Xã Bằng Thành	x			
10		Xã Nhạn Môn	x			
11		Xã Bộc Bó				x
12		Xã Công Bằng	x			
13		Xã Giáo Hiệu	x			
14		Xã Xuân La	x			
15		Xã An Thắng	x			
16		Xã Cổ Linh	x			
17		Xã Nghiên Loan	x			
18		Xã Cao Tân	x			
		Tổng:	<b>09</b>			<b>01</b>
19	Huyện Ba Bể: 15	Thị trấn Chợ Rã		x		
20		Xã Bành Trạch	x			
21		Xã Phúc Lộc	x			
22		Xã Hà Hiệu	x			
23		Xã Cao Thượng	x			
24		Xã Khang Ninh	x			
25		Xã Nam Mẫu	x			
26		Xã Thượng Giáo	x			
27		Xã Địa Linh	x			

TT	Tỉnh	Huyện, thành phố trực thuộc	Cấp độ dịch theo Nghị quyết số 128/NQ-CP			
			Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4
28		Xã Yên Dương	x			
29		Xã Chu Hương		x		
30		Xã Quảng Khê	x			
31		Xã Mỹ Phương	x			
32		Xã Hoàng Trĩ	x			
33		Xã Đồng Phúc	x			
		<b>Tổng:</b>		<b>12</b>	<b>02</b>	<b>00</b>
34	Huyện Ngân Sơn: 10	Thị trấn Nà Phặc	x			
35		Xã Thượng Ân	x			
36		Xã Bằng Vân	x			
37		Xã Cốc Đán	x			
38		Xã Trung Hoà	x			
39		Xã Đức Vân	x			
40		Xã Vân Tùng	x			
41		Xã Thượng Quan	x			
42		Xã Hiệp Lực	x			
43		Xã Thuận Mang	x			
	<b>Tổng:</b>		<b>10</b>	<b>00</b>	<b>00</b>	<b>00</b>
44	Huyện Bạch Thông: 14	Thị trấn Phủ Thông	x			
45		Xã Vi Hương	x			
46		Xã Sĩ Bình	x			
47		Xã Vũ Muộn	x			
48		Xã Đôn Phong	x			
49		Xã Lục Bình	x			
50		Xã Tân Tú	x			
51		Xã Nguyên Phúc	x			
52		Xã Cao Sơn	x			
53		Xã Quân Hà	x			
54		Xã Cẩm Giàng	x			
55		Xã Mỹ Thanh	x			
56		Xã Dương Phong	x			
57		Xã Quang Thuận	x			
	<b>Tổng:</b>		<b>14</b>	<b>00</b>	<b>00</b>	<b>00</b>
58	Huyện Chợ Đồn: 20	Xã Xuân Lạc	x			
59		Xã Nam Cường	x			
60		Xã Đồng Lạc	x			
61		Xã Tân Lập	x			
62		Xã Bản Thi	x			
63		Xã Quảng Bạch	x			
64		Xã Bằng Phúc	x			
65		Xã Yên Thịnh	x			
66		Xã Yên Thượng	x			
67		Xã Phương Viên	x			
68		Xã Ngọc Phái	x			
69		Xã Đông Thắng	x			
70		Xã Lương Bằng	x			



TT	Tỉnh	Huyện, thành phố trực thuộc	Cấp độ dịch theo Nghị quyết số 128/NQ-CP			
			Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4
71		Xã Bằng Lăng	x			
72		Xã Đại Sảo	x			
73		Xã Nghĩa Tá	x			
74		Xã Yên Mỹ	x			
75		Xã Bình Trung	x			
76		Bằng Lũng	x			
77		Xã Yên Phong	x			
		<b>Tổng:</b>	<b>20</b>	<b>00</b>	<b>00</b>	<b>00</b>
78		Thị trấn Đồng Tâm		x		
79		Xã Tân Sơn	x			
80		Xã Thanh Vân	x			
81		Xã Mai Lạp	x			
82		Xã Hoà Mục				x
83		Xã Thanh Mai	x			
84	Huyện Chợ Mới: 14	Xã Cao Kỳ	x			
85		Xã Nông Hạ	x			
86		Xã Yên Cư	x			
87		Xã Thanh Thịnh	x			
88		Xã Yên Hân	x			
89		Xã Như Cô	x			
90		Xã Bình Văn	x			
91		Xã Quảng Chu			x	
		<b>Tổng:</b>	<b>11</b>	<b>01</b>	<b>01</b>	<b>01</b>
92		Xã Văn Vũ			x	
93		Xã Văn Lang	x			
94		Xã Lương Thượng	x			
95		Xã Kim Hỷ		x		
96		Xã Cường Lợi		x		
97		Thị trấn Yên Lạc				x
98		Xã Kim Lư				x
99		Xã Sơn Thành			x	
100	Huyện Na Rì: 17	Xã Văn Minh				x
101		Xã Côn Minh		x		
102		Xã Cư Lễ	x			
103		Xã Trần Phú				x
104		Xã Quang Phong		x		
105		Xã Dương Sơn	x			
106		Xã Xuân Dương				x
107		Xã Đồng Xá		x		
108		Xã Liêm Thuý		x		
		<b>Tổng:</b>	<b>04</b>	<b>06</b>	<b>02</b>	<b>05</b>
<b>Tổng cấp xã:</b>			<b>82</b>	<b>12</b>	<b>07</b>	<b>07</b>